FireAnt

CTCP Đầu tư Thương mại SMC (HSX: SMC)

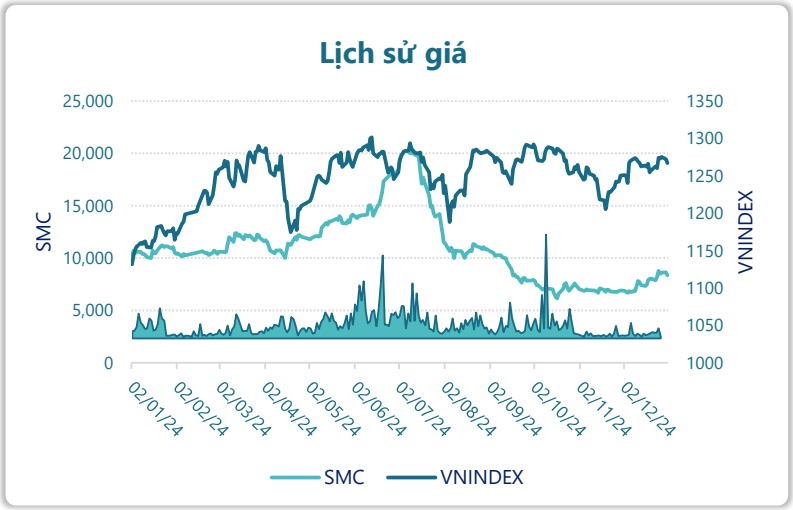

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,360**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,150
SL cổ phiếu LH	73,606,837
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,036,565
% sở hữu nước ngoài	20.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	615
P/E	-2.3
EPS	-3,663

DT thuần

Q4/24

2,177

tỷ VNĐ

QoQ: ▼100| -4.4%

YoY: ▼1,035| -32.2%

LN sau thuế

Q4/24

-294

tỷ VNĐ

QoQ: ▼212| -256%

YoY: ▲ 39.0| 11.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-0.7%

+/- YoY: ▲ 4.1%

DT thuần

2024

8,924

tỷ VNĐ

YoY: ▼4,778| -34.9%

LN sau thuế

2024

-287

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 638| 69.0%

ROE

2024

-41.2%

+/- YoY: ▲ 29.0%

Kết quả kinh doanh

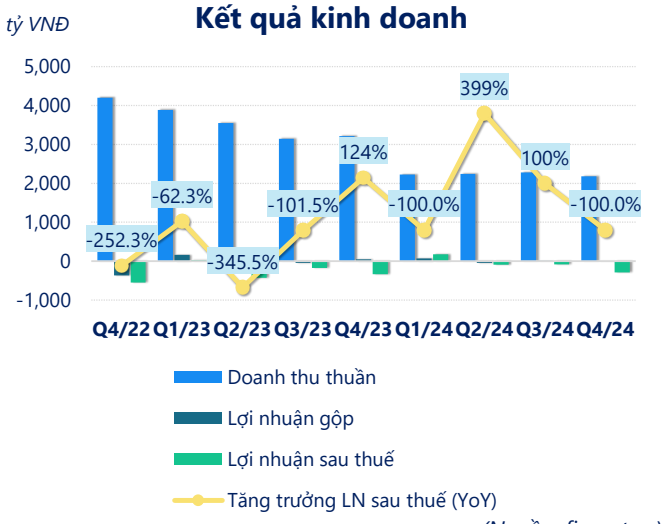

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

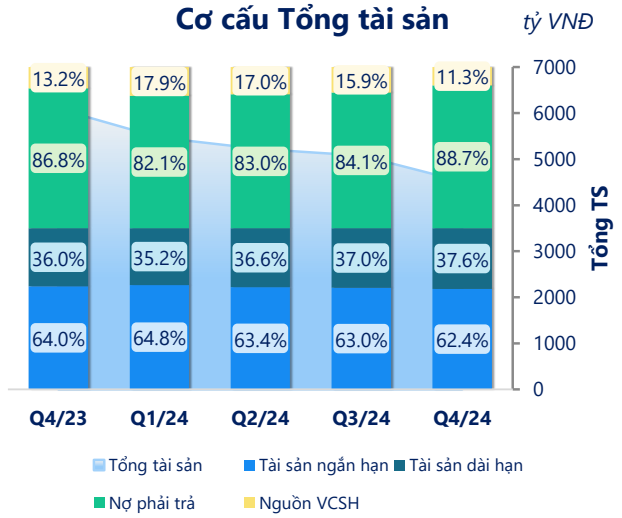

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

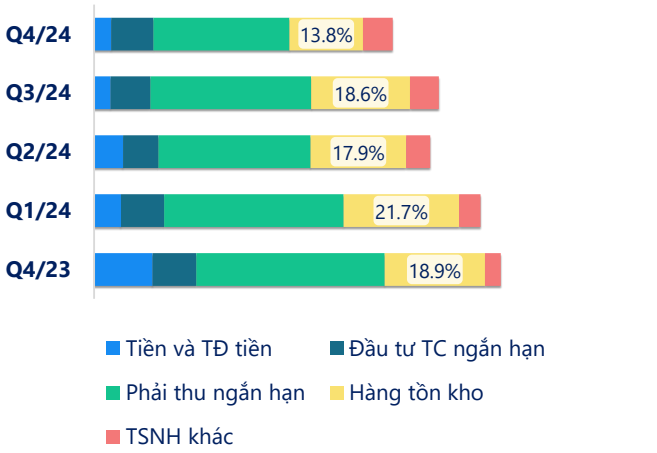

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

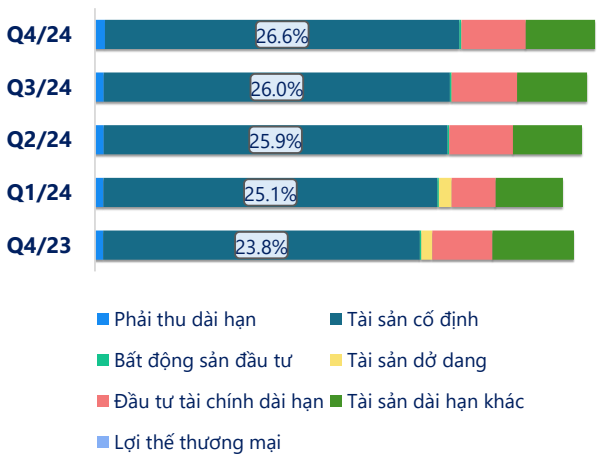

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

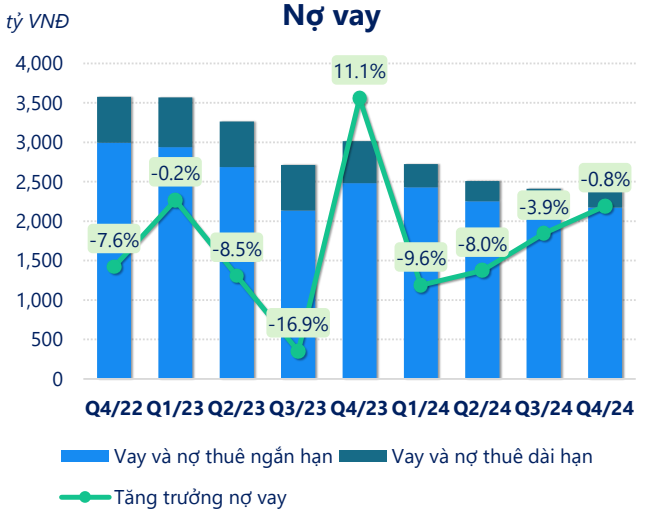

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

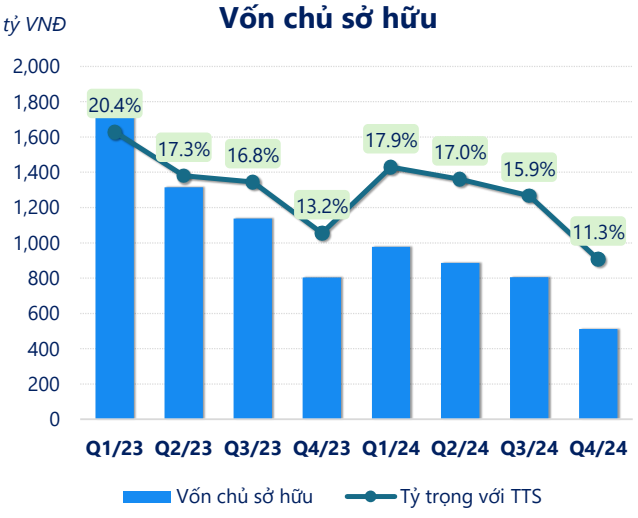

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

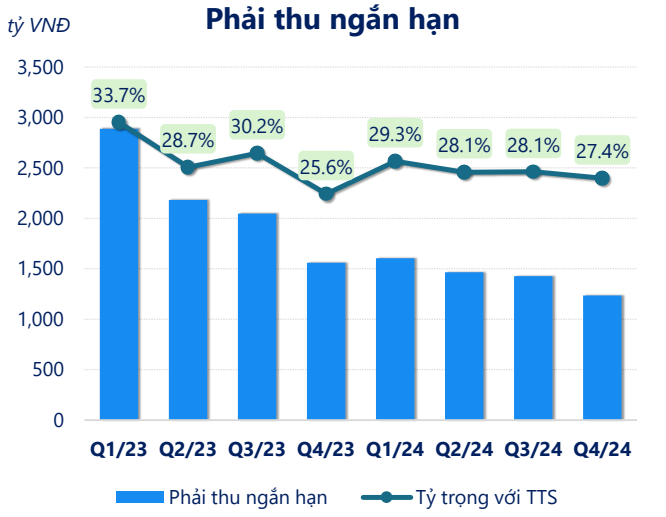

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

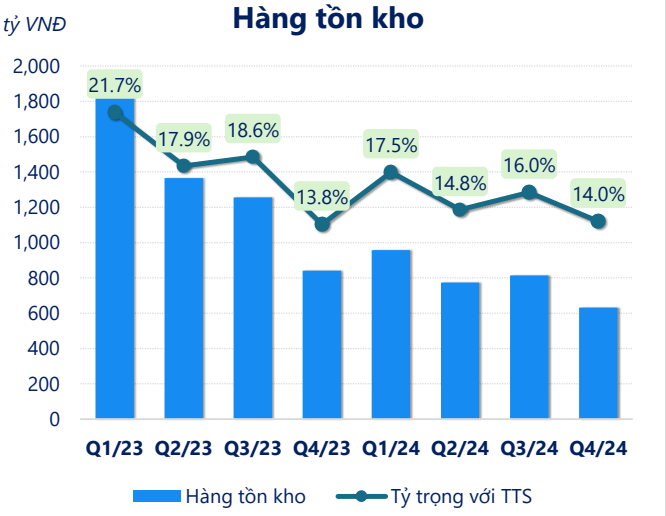

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

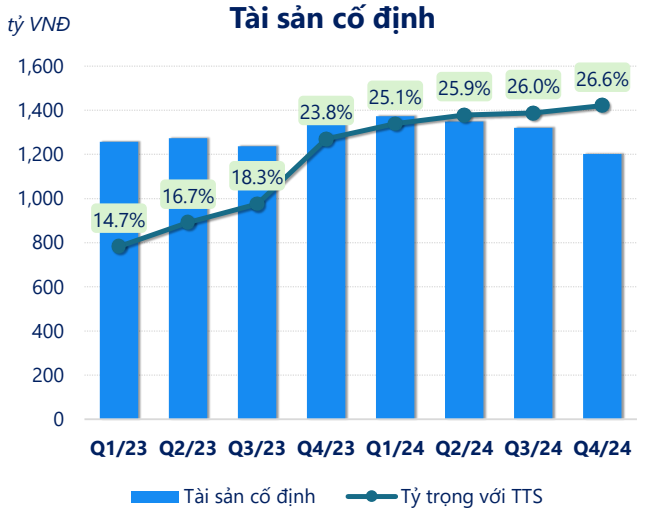

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

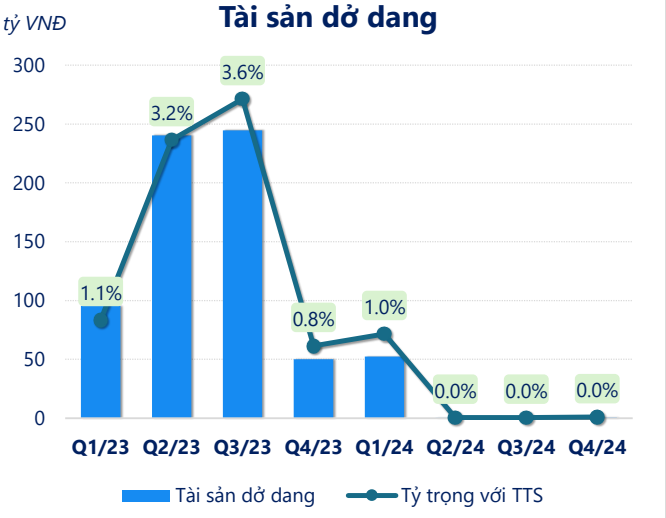

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

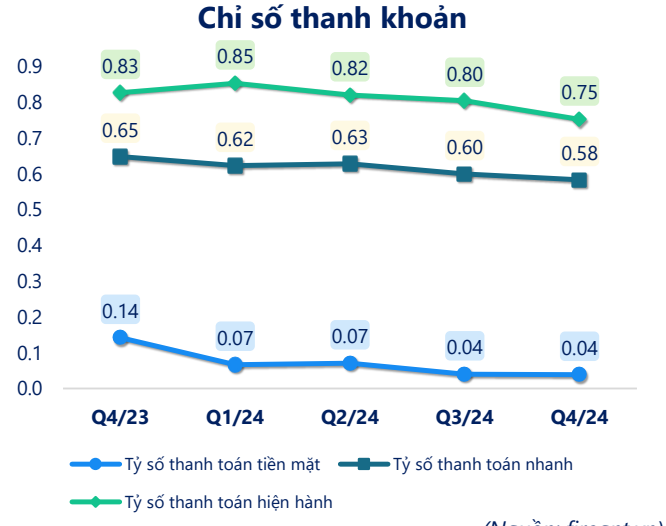

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

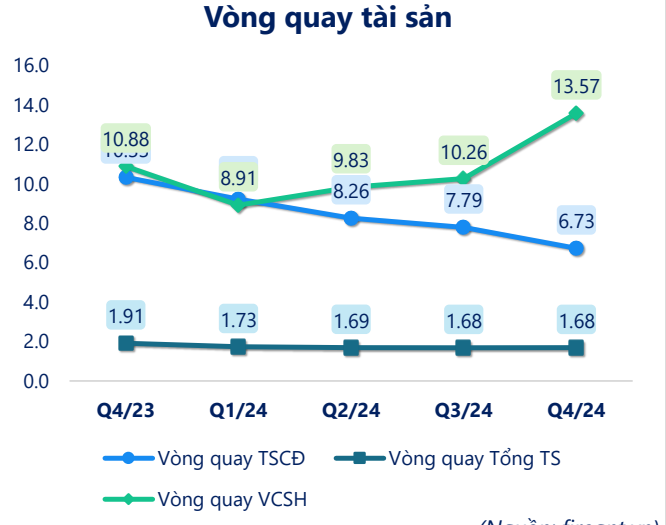

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**6,092**	**5,470**	**5,217**	**5,076**	**4,511**
Tài sản ngắn hạn	**3,897**	**3,544**	**3,305**	**3,197**	**2,814**
Tiền và tương đương tiền	670	277	285	159	145
Đầu tư tài chính ngắn hạn	483	390	491	499	504
Phải thu ngắn hạn	1,561	1,605	1,466	1,428	1,236
Hàng tồn kho	840	957	773	815	632
Tài sản ngắn hạn khác	342	315	291	297	298
Tài sản dài hạn	**2,196**	**1,926**	**1,912**	**1,878**	**1,698**
Phải thu dài hạn	37.1	35.1	34.4	33.9	34.4
Tài sản cố định	1,452	1,374	1,349	1,321	1,202
Bất động sản đầu tư	6.84	6.75	6.66	6.57	6.48
Tài sản dở dang	50.0	52.3	0.41	0.41	0.61
Đầu tư tài chính dài hạn	276	181	251	251	218
Tài sản dài hạn khác	375	277	271	266	236
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,289**	**4,492**	**4,330**	**4,271**	**4,000**
Nợ ngắn hạn	**4,716**	**4,155**	**4,032**	**3,974**	**3,741**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,483	2,430	2,251	2,155	2,173
Phải trả người bán ngắn hạn	1,925	1,452	1,483	1,455	1,451
Nợ dài hạn	573	337	298	297	259
Vay và nợ thuê dài hạn	531	295	256	255	217
Nguồn vốn chủ sở hữu	**804**	**977**	**887**	**805**	**511**
Vốn chủ sở hữu	**804**	**977**	**887**	**805**	**511**
Vốn điều lệ	737	737	737	737	737
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)